

Bản án số: 125 /2024/DS-ST

Ngày 23.9.2024.

(V/v tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Thanh.

Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thái Trâm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 06 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ:T, số A T, phường L, quận H, TP .

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Kim O – Chức vụ: Trưởng phòng Quản lý rủi ro; địa chỉ liên hệ: A L, phường H, quận H, TP .. Có mặt,

- Bị đơn: Ông Tăng Trung T năm 1992; địa chỉ : B N, phường H, quận L, TP . (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 03 tháng 06 năm 2024, tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim O trình bày: Ông Tăng Trung T1 và Ngân hàng TMCP Đ - Chi

nhánh S (sau đây gọi tắt là B) đã ký kết Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng:

Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/11/2016 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng”) về việc cấp hạn mức tín dụng thẻ cho ông Tăng Trung T1 với nội dung như sau:

- Hạn mức thẻ tín dụng : 30.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng)
- Mục đích vay : Phục vụ nhu cầu đời sống của cá nhân và gia đình
- Ngày vay : 16/11/2016
- Thời hạn duy trì hạn mức thẻ: Kể từ ngày 16/11/2016 đến khi chấm dứt sử dụng thẻ
- Ngày trả nợ cuối cùng: 01/10/2019
- Mức lãi suất: 18%/năm
- Kỳ sao kê thẻ: Ngày 25 hàng tháng; hạn thanh toán là 15 ngày sau, kể từ ngày sao kê thẻ.
- Phí thường niên: 300.000 đồng/năm, áp dụng đối với loại thẻ Visa Gold
- Phí phạt chậm thanh toán: Được tính theo 4% số tiền chậm thanh toán, tối thiểu 100.000 đồng
- Ngày chuyển nợ quá hạn: 11/10/2019
- Ngày đóng thẻ: 28/10/2019
- Thời gian ngừng tính phí phạt chậm: 30/09/2020.

Theo nội dung Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết, Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh S đã cấp hạn mức tín dụng thẻ cho ông Tăng Trung T1 với số tiền là 30.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng).

Hồ sơ Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được giao kết hợp pháp về chủ thể, hình thức văn bản, nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, việc giao kết hợp đồng được các bên tự nguyện thực hiện.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Tăng Trung T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền: 69.082.060 đồng; trong quá trình sử dụng thẻ, ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 56.351.018 đồng (bao gồm dư nợ gốc đã thanh toán: 43.847.129 đồng và phí, lãi đã thanh toán: 12.503.889 đồng). Thứ tự thanh toán căn cứ theo điều 4 của Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do ông Tăng Trung T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (Điều 4 của Bản điều kiện, điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng), nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và toàn bộ dư nợ của ông T1 còn thiếu đến thời điểm hiện tại với số tiền: 25.234.931 đồng sang nợ quá hạn (gọi là Dư nợ gốc).

Tổng dư nợ của ông Tăng Trung T1 tạm tính đến hết ngày 23/09/2024: : 59.302.946 đồng, trong đó: (i) Nợ gốc: 25.234.931 đồng; (ii) Nợ lãi + phí: 34.068.015 đồng.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, ông Tăng Trung T1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, tiền lãi, phí phát sinh của mình đối với Chi nhánh B theo

đúng thỏa thuận tại Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết. Kể từ thời điểm ông Tăng Trung T1 phát sinh dư nợ xấu, B đã tạo điều kiện để khách hàng trả nợ và nhiều lần yêu cầu ông Tăng Trung T1 thực hiện nghĩa vụ theo đúng cam kết tại Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, tuy nhiên đến nay, Ông Tăng Trung T1 vẫn không thanh toán đầy đủ cho B.

Vi vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của B, B khởi kiện ông Tăng Trung T1 ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để được Tòa án hỗ trợ, giải quyết các nội dung yêu cầu xét xử như sau:

1. Buộc ông Tăng Trung T1 trả nợ cho B toàn bộ số tiền gốc, lãi, lãi quá hạn, các khoản phí. Tạm tính đến hết ngày 23/09/2024, tổng dư nợ của ông Tăng Trung T1 tại B là: 59.302.946 đồng, trong đó: (i) Nợ gốc: 25.234.931 đồng; (ii) Nợ lãi + phí: 34.068.015 đồng.

2. Ông Tăng Trung T1 có nghĩa vụ thanh toán tiếp phần nợ lãi, lãi quá hạn và các chi phí khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng trên kể từ ngày 24/09/2024 cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ.

* Đối với bị đơn là ông Tăng Trung T1: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng cứ của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, việc hỏi và tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành khách quan, đúng trình tự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, vắng mặt lần hai, không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 91,95 Luật các tổ chức tín dụng và 463, 466 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 23/09/2024, tổng dư nợ của ông Tăng Trung T1 tại B là: 59.302.946 đồng, trong đó: Nợ gốc: 25.234.931 đồng; Nợ lãi + phí: 34.068.015 đồng. và tiếp tục trả lãi, phí kể từ ngày 24/09/2024 cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng :

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Tăng Trung T1; có địa chỉ tại B N, phường H, quận L, TP . vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự (Hợp đồng tín dụng) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của đương sự:* Ông Tăng Trung T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội Dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh S (sau đây gọi tắt là B) được ký kết với ông T1 vào ngày 16/11/2016 là giao dịch dân sự, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự phù hợp với các điều 116, 117, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên là hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, phương thức cho vay với hình thức tín chấp, Ngân hàng cấp cho ông T1 với hạn mức thẻ tín dụng : 30.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng); Thời hạn duy trì hạn mức thẻ: Kể từ ngày 16/11/2016 đến khi chấm dứt sử dụng thẻ; Ngày trả nợ cuối cùng: 01/11/2019; Mức lãi suất: 18%/năm; Kỳ sao kê thẻ: Ngày 25 hàng tháng; hạn thanh toán là 15 ngày sau, kể từ ngày sao kê thẻ; Phí thường niên: 300.000 đồng/năm, áp dụng đối với loại thẻ Visa Gold; Phí phạt chậm thanh toán: Được tính theo 4% số tiền chậm thanh toán, tối thiểu 100.000 đồng; Ngày chuyển nợ quá hạn: 11/10/2019; Ngày đóng thẻ: 28/10/2019; Thời gian ngừng tính phí phạt chậm: 30/09/2020.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Tăng Trung T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền: 69.082.060 đồng; trong quá trình sử dụng thẻ, ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 56.351.018 đồng (bao gồm dư nợ gốc đã thanh toán: 43.847.129 đồng và phí, lãi đã thanh toán: 12.503.889 đồng).

Đến ngày 01/11/2019 mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng vẫn không thanh toán nên 28/10/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông T1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Như vậy, do ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng mà ông T1 đã ký với Ngân hàng tại (Điều 4 của Bản điều kiện, điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Do đó HĐXX căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 463, 465 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Tăng Trung T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2024 là: Ông Tăng Trung T1 còn nợ tại B là: 59.302.946 đồng, trong đó: Nợ gốc: 25.234.931 đồng; Nợ lãi + phí: 34.068.015 đồng và tiếp tục trả lãi và phí kể từ ngày 24/09/2024 cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của Ngân Hàng nên ông Tăng Trung T1 phải chịu án phí sơ thẩm là: 2.966.000 đ (*Hai triệu, chín trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*); căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng các điều 116, 117, 119, 463, 465 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227; Điều 266, Điều 269 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh S (*sau đây gọi tắt là B*) đối với Tăng Trung T1.

Xử: Buộc ông Tăng Trung T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2024 là: 59.302.946 đồng, trong đó: Nợ gốc: 25.234.931 đồng; Nợ lãi + phí: 34.068.015 đồng; kể từ ngày 24/09/2024 ông Tăng Trung T1 có nghĩa vụ thanh toán tiếp phần nợ lãi, lãi quá hạn và các chi phí khác (nếu có) phát sinh theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký kết ngày 16/11/2016 cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ. Trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kì của Ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án

cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 2.966.000 đ (*Hai triệu, chín trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*); ông Tăng Trung T1 phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.446.348 đồng (*Một triệu, bốn trăm bốn mươi sáu ngàn, ba trăm bốn mươi tám đồng*) theo biên lai thu số 742 ngày 14/06/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Tăng Trung T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Hoàng

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Hoàng

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

